



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

*(Kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết thi hành điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; điểm c Khoản 2 Điều 58; khoản 6 Điều 62; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83; điểm b Khoản 5 Điều 86 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, về quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, áp dụng quy chuẩn về nước thải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân (*sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân*) có hoạt động liên quan đến các nội dung bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Chương II

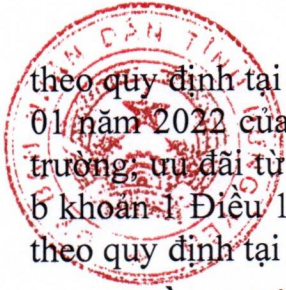
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ưu đãi, khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

1. Dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được khuyến khích thực hiện xã hội hóa là công trình hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động được cơ quan thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

2. Chủ đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau khi hoàn thành dự án hạ tầng bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường và đi vào vận hành chính thức.

3. Chủ đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ về đất đai



theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; ưu đãi về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 4. Ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn

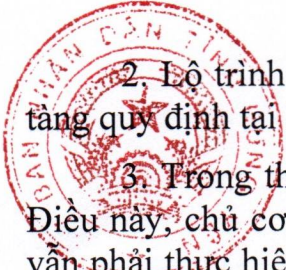
1. Việc xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường, các tiêu chí xây dựng, phát triển nông thôn do Chính phủ ban hành và các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường. Các công trình hạ tầng thiết yếu về bảo vệ môi trường nông thôn như hệ thống thu gom, xử lý chất thải (chất thải rắn và nước thải); hỗ trợ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt được ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được phân loại từ chất thải sinh hoạt dân sinh theo quy định.

3. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom từ bể chứa tại các cánh đồng, khu vực lưu chứa được vận chuyển, chuyên giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định của quản lý chất thải nguy hại. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng từ bể chứa, khu vực lưu chứa, xử lý theo quy định.

Điều 5. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải rà soát, cải tiến công nghệ thân thiện môi trường, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng và phải di dời cơ sở đến vị trí đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan nếu không cải tiến công nghệ thân thiện môi trường, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng.



2. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 1 Điều này phải hoàn thành trước 12 tháng 8 năm 2028.

3. Trong thời gian thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động vẫn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

1. Phân loại chất thải rắn y tế

Chất thải rắn y tế là chất thải ở thể rắn, bao gồm chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường.

2. Thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn y tế

a) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở y tế dự phòng; cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe; cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược và có phát sinh chất thải y tế thì phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn y tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

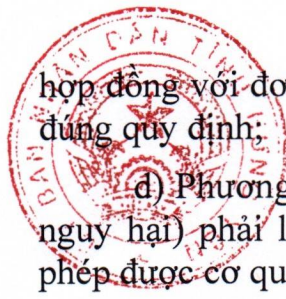
b) Đối với các cơ sở khác có phát sinh chất thải y tế thì phân loại, thu gom, quản lý, lưu giữ chất thải rắn y tế theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Vận chuyển chất thải rắn y tế

a) Phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại của các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý phải bảo đảm đáp ứng các quy định tại Điều 36, Điều 37 và các yêu cầu đặc thù về bảo vệ môi trường tại khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Đối với các khu vực không sử dụng được phương tiện vận chuyển chuyên dụng để vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại, được sử dụng các loại phương tiện vận chuyển phù hợp nhưng phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của điểm a khoản này;

c) Đối với phòng y tế của các cơ sở giáo dục đào tạo có thể quyết định tự vận chuyển chất thải y tế nguy hại bằng phương tiện vận chuyển phù hợp nhưng phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của điểm a khoản này đến các cơ sở y tế gần nhất để lưu giữ, bảo quản tạm thời chất thải theo hợp đồng hoặc trực tiếp ký



hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định;

d) Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại (bao gồm chất thải rắn y tế nguy hại) phải lắp đặt thiết bị định vị và hoạt động theo đăng ký trong Giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Xử lý chất thải rắn y tế

a) Đối với chất thải rắn y tế thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp chất thải của cơ sở thuộc Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT, chủ nguồn thải được phép chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu tái chế phù hợp;

b) Chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh phải được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng, năng lực xử lý chất thải nguy hại (trong đó có chức năng xử lý chất thải y tế nguy hại) được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

Điều 7. Quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa

1. Khu vực, địa điểm đổ thải có quy mô đáp ứng duy trì hoạt động ổn định, an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, không tạo ra các xung đột về lợi ích và môi trường.

2. Khu vực, địa điểm đổ thải phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan; được xem xét trên cơ sở các điều kiện về địa chất, thủy văn, không làm cản trở dòng chảy và thoát lũ, không nằm ở vị trí đầu nguồn nước, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

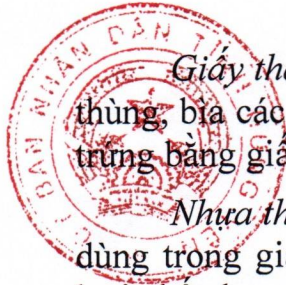
3. Khu vực, địa điểm đổ thải có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất nạo vét từ vùng nước đường thủy nội địa đáp ứng được các quy định pháp luật về đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định đến khu vực dân cư sinh sống tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, các nguồn nước, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe người dân. Phải đảm bảo việc đổ thải không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các khu vực nêu trên.

Điều 8. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, cá nhân được phân loại tại nguồn thành các nhóm như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, gồm:



Giấy thải: Hộp, túi, ly, cốc bằng giấy; sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết; thùng, bìa các tông...; lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trưng bằng giấy...; các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn.

Nhựa thải: Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... không có thành phần nguy hại; các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; ly, cốc nhựa.

Kim loại thải: Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... không có thành phần nguy hại; đồ dùng nhà bếp bằng kim loại: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, đĩa,...; các loại vật dụng kim loại thải khác.

Thủy tinh thải: Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... không có thành phần nguy hại; bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê; thủy tinh thải khác.

Vải, đồ da: Quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn, màn, rèm cửa bằng vải,... không dính thành phần nguy hại.

Đồ gỗ: Đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,... bằng gỗ.

Cao su: Đồ chơi bằng cao su; săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.

Thiết bị điện, điện tử thải bỏ: Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời. Gồm: Các thiết bị điện, điện tử nhỏ (máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn halogen,...); các thiết bị điện, điện tử lớn (máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,...); tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy rửa bát, máy giặt, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện,...

b) Chất thải thực phẩm, gồm: Thức ăn thừa; thực phẩm hỏng hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các thành phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm, thủy, hải sản.

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác, gồm:

Chất thải nguy hại: Bao bì thuốc bảo vệ thực vật, các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế có chứa thủy ngân thải; các loại pin, ắc quy thải....

Chất thải công kênh, gồm: Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, khung cửa, cánh cửa, cành cây, gốc cây, tranh ảnh khổ lớn.....

Chất thải khác còn lại: chất thải từ làm vườn hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,...; phân, xác động vật nuôi trong nhà như chó, mèo,...; các sản phẩm nhựa dùng một lần: găng tay, khẩu trang, cốc, thìa, đĩa...; tấm bông, giày



đẹp nhựa.....và các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế mà không chuyển giao được cho cơ sở tái chế, tái sử dụng.

2. Lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, cá nhân

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân ở đô thị sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lưu chứa trong bao bì (túi) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại được lưu chứa riêng trong bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) lưu chứa đảm bảo theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Màu sắc bao bì, thiết bị (thùng) lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại như sau: Màu trắng/trong suốt sử dụng chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; màu xanh lá cây sử dụng chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt thực phẩm; màu vàng sử dụng chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt khác;

b) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện lưu chứa như sau: Chất thải thực phẩm được tận dụng tối đa để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi, trường hợp không được tận dụng hết phải được lưu chứa riêng, đảm bảo không phát tán mùi, nước rỉ rác ra môi trường trước khi chuyển giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu chứa riêng trước khi chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt khác được chứa, đựng riêng trong bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) lưu chứa;

c) Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo các yêu cầu: Không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ trong quá trình sử dụng; bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngâm hoặc rò rỉ nước rác;

d) Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Về lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng, khu vực công cộng

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình đáp ứng lưu giữ từng loại chất thải rắn đã phân loại theo quy định tại điểm a khoản này;

b) Tại công viên, khu vui chơi, giải trí, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người phải bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có dán nhãn trên nắp thùng, trên thân thùng theo 03 nhóm: Chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác để thuận tiện cho việc phân loại, bỏ rác vào các thùng, thiết bị lưu chứa;



- c) Các thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu chứa, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan và trật tự giao thông;
- d) Địa điểm, vị trí, khu vực bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo thuận tiện cho việc bỏ rác vào các thùng, thiết bị lưu chứa.

4. Việc áp dụng quy định về sử dụng bao bì (túi) chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong thời gian chưa quy định bắt buộc sử dụng bao bì (túi) chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt, tổ chức, cá nhân sử dụng bao bì (túi) thông thường hoặc thiết bị (thùng) lưu chứa để chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại như sau:

a) Sử dụng bao bì (túi) có màu sắc phân biệt để đựng các loại chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại, chất liệu bao bì (túi) có thể nhìn thấy loại chất thải đựng bên trong;

b) Bao bì (túi) đựng chất thải rắn sinh hoạt có thiết kế dễ buộc, dễ mở, bảo đảm chất thải rắn sinh hoạt không rơi vãi, không rò rỉ nước rỉ từ chất thải và thuận tiện cho việc kiểm tra;

c) Khuyến khích việc sử dụng bao bì (túi) dễ phân hủy sinh học để chứa đựng chất thải thực phẩm.

5. Các bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại trước khi chuyên giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển phải được đặt ở các vị trí thích hợp, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển, đảm bảo không rơi vãi, không rò rỉ nước rỉ rác và không phát tán mùi hôi ra môi trường.

6. Điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quy hoạch, xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo tại mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 02 điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;

c) Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người dân sinh sống tại khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng đó.

7. Tần suất thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ vào lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tình hình thực tế của mỗi địa phương để xác định tần suất thu gom, vận chuyển đảm bảo theo quy định sau đây:



a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Tùy theo khối lượng phát sinh và nhu cầu chuyển giao;

b) Chất thải thực phẩm: Đối với khu vực nội thị thành phố Hưng Yên tần suất thu gom tối thiểu là 01 lần/01 ngày; nội thị thị xã Mỹ Hào, thị trấn tần suất thu gom tối thiểu 01 lần/02 ngày; các khu vực còn lại tần suất thu gom tối thiểu 01 lần/03 ngày;

c) Chất thải nguy hại được phân loại ra từ chất thải rắn sinh hoạt: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định pháp luật để thu gom vận chuyển, xử lý tập trung hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp xã đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp với khối lượng phát sinh và điều kiện thực tế từng địa phương; tần suất thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết, cơ sở xử lý chất thải nguy hại do địa phương tự quyết định;

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác: Phù hợp với khối lượng phát sinh và điều kiện thực tế ở từng địa phương.

8. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân thu gom phân loại riêng để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế nhựa để tái chế, tái sử dụng;

b) Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng gia đình, đối với gia đình, cá nhân có đất vườn rộng, khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại hộ như: ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình thì thực hiện chuyển giao cho cơ sở xử lý chất thải để xử lý thành phân hữu cơ hoặc nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ theo quy định;

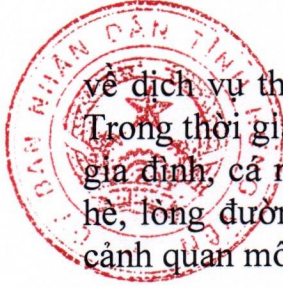
c) Chất thải nguy hại được phân loại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt: Phải được xử lý tại các cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động;

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác (*chất thải sinh hoạt khó phân hủy*): chuyển giao cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; khuyến khích tái chế, tái sử dụng.

Điều 9. Quản lý chất thải công kênh

1. Tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh có trách nhiệm tháo dỡ, giảm kích thước, thể tích chất thải bỏ đến mức có thể lưu chứa được trong xe thu gom trước khi vận chuyển đến nơi tiếp nhận (điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận, xử lý chất thải công kênh).

2. Tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh được phép tự vận chuyển hoặc thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt



về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải công kênh đến nơi tiếp nhận, xử lý. Trong thời gian đơn vị thu gom, vận chuyển chưa đến vận chuyển đi xử lý thì hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản, không được tập kết ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, cảnh quan môi trường xung quanh.

3. Tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh có trách nhiệm chi trả phí dịch vụ tháo dỡ, thu gom chất thải công kênh từ nơi phát sinh vận chuyển đến nơi tiếp nhận theo giá tự thỏa thuận với các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Chất thải công kênh được xử lý như chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 10. Quy định tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

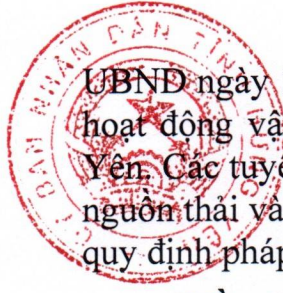
1. Tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm thu gom chất thải đến điểm tập kết, trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển, tình hình giao thông tại khu vực. Hạn chế vận chuyển trên tuyến đường có các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện và vị trí tập trung đông người, trừ trường hợp thu gom, vận chuyển cho các chủ nguồn thải ở khu vực này.

2. Thời gian thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo kết nối với thời gian chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt; đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, an toàn giao thông và phải được công bố rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân. Thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên các đường đô thị thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt vào dịp lễ, tết có thể được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

Điều 11. Quy định tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại

1. Tuyến đường vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp, điểm tập thu gom, tập kết chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt dân sinh đến cơ sở xử lý chất thải phải đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển, tình hình giao thông tại khu vực. Hạn chế vận chuyển trên tuyến đường có các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện và vị trí tập trung đông người, trừ trường hợp thu gom, vận chuyển cho các chủ nguồn thải ở khu vực này.

2. Thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý; phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2024/QĐ-



UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Các tuyến đường còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện của chủ nguồn thải và cơ sở vận chuyển chất thải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư

1. Đô thị loại IV trở lên, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Khu dân cư đã được hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 phải có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các đề án, kế hoạch về thu gom, xử lý nước thải của tỉnh trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, hoàn thành trước 31 tháng 12 năm 2030.

3. Đô thị loại IV trở lên (Thị xã Mỹ Hào) được hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022, Ủy ban nhân dân thị xã Mỹ Hào có trách nhiệm bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

4. Đối với khu dân cư đã hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022, nhưng không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, tổ chức, hộ gia đình phải tự xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu quy định.

Điều 13. Áp dụng quy chuẩn về nước thải

1. Các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (trừ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu nổi toàn bộ nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định) phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường tỉnh theo quy định.

2. Nước thải của một số ngành đặc thù được áp dụng theo cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường



a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn; tổ chức truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường;

b) Chủ trì biên soạn các tài liệu, sổ tay hướng dẫn về thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì đơn đốc, hướng dẫn kỹ thuật xử lý ô nhiễm, cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh;

đ) Tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo;

e) Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, hướng dẫn giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải trong canh tác nông nghiệp, chăn nuôi;

g) Hướng dẫn thực hiện việc thu gom chất thải và vệ sinh môi trường theo quy định đảm bảo đáp ứng các tiêu chí môi trường trong thực hiện nông thôn mới; hướng dẫn kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo quy định của tỉnh; hỗ trợ xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước thải, cảnh quan môi trường, bảo vệ môi trường nông thôn trong thực hiện nông thôn mới;

i) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân liên quan;

k) Chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;

d) Tham mưu thực hiện quy định về quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.



3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành;

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường; quản lý thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

c) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Hưng Yên bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực môi trường theo quy định pháp luật về đầu tư; hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn và đề xuất Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định pháp luật về đầu tư công để giải phóng mặt bằng và các hạ tầng thiết yếu khác theo quy định cho các dự án xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

đ) Chủ trì thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn khác nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến quản lý bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Hướng dẫn tổ chức đấu thầu tập trung để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

g) Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải đã được cấp phép đầu tư, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có).

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung tại khoản 3 Điều 51 của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;



b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp phải đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các cụm công nghiệp;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, tổ chức phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát các nội dung về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường tích hợp, lồng ghép vào môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường phù hợp với lớp học, cấp học bảo đảm hiệu quả, thiết thực;

b) Phối hợp với các sở, ngành tổ chức các hoạt động tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu về phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường phù hợp với lứa tuổi học sinh ở từng cấp học;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh ban hành Chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các địa điểm du lịch, các cửa ngõ ra vào tỉnh, trung tâm các huyện, thị xã, thành phố;

b) Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi ni lông tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng;

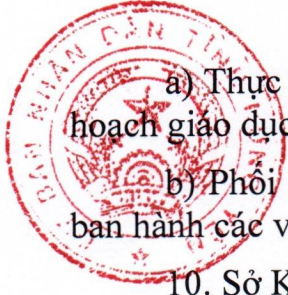
c) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hương ước, quy ước ở các địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường.

8. Sở Y tế

a) Chủ trì, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường tại các bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý chất thải y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và Điều 6 Quy định này.

9. Sở Tư pháp



- a) Thực hiện lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong chương trình kế hoạch giáo dục, phổ biến pháp luật hàng năm của tỉnh;
- b) Phối hợp tham gia rà soát, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

- a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là lĩnh vực tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường;
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo thẩm quyền; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn;
- c) Tổ chức phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về môi trường; phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương.

11. Công an tỉnh

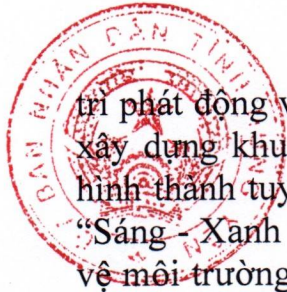
Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện các hành vi đổ trộm chất thải, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có).

12. Báo Hưng Yên, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin Điện tử tỉnh

- a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan thường xuyên cập nhật, đưa tin về các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;
- b) Sản xuất các chương trình chuyên đề về hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn; đưa tin về các mô hình hiệu quả, các phong trào hoặc địa phương điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên;
- c) Khuyến khích thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 15. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên; các tổ chức chính trị - xã hội vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại chất thải tại nguồn; chủ



tri phát động và duy trì các phong trào thu gom chất thải và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tự quản, văn minh “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”; xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với thực hiện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thường xuyên giám sát, phản biện về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn trên địa bàn theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho công tác thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

5. Chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành lộ trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định.

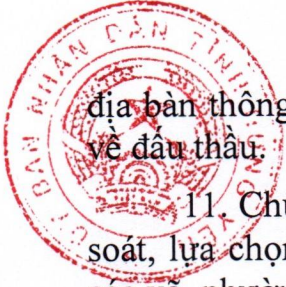
6. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

7. Tổ chức rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.

8. Tổ chức triển khai thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy định này đồng thời chỉ đạo hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nội dung này đảm bảo theo quy định.

9. Tổ chức triển khai thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, sau đó triển khai đồng bộ trên toàn huyện, thị xã, thành phố việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện hoặc giao, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị, cơ sở hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên



địa bàn thông qua hình thức đấu thầu dịch vụ công ích theo quy định pháp luật về đấu thầu.

11. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, lựa chọn, bổ sung quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển chất thải tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn, lập dự án và triển khai các xây dựng dự án các điểm tập kết, trung chuyển chất thải trên địa bàn.

12. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông.

13. Chủ động lựa chọn địa điểm và nhà đầu tư để xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật.

14. Triển khai các dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tái sử dụng đất đối với các bãi chôn lấp chất thải đã đóng cửa.

15. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường; đưa công tác bảo vệ môi trường trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để xét công nhận gia đình văn hóa, các thôn, khu phố, khu dân cư, cơ quan, đơn vị văn hóa.

16. Thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân, trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm trên địa bàn.

17. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

18. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường và Quy định này trên địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

19. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện Quy định này gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và Quy định này trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương.



3. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố, tổ dân phố, khu dân cư và các tổ chức tự quản trên địa bàn; quản lý các chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4. Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom chất thải vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh của xã, phường, thị trấn; thực hiện tuyên truyền theo từng điểm sinh hoạt cộng đồng như trung tâm văn hóa xã, phường, thị trấn; các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

6. Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được cấp hàng năm.

7. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát việc thu, nộp sử dụng giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và pháp luật về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường và quy định này trên địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

9. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện quy định này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.


Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp theo quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan; chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt theo quy định của tỉnh.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở đã thực hiện lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định bảo vệ môi trường tỉnh được ban hành tại Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên tiếp tục duy trì



hoạt động của trạm quan trắc tự động, liên tục được miễn quan trắc định kỳ (nếu thuộc đối tượng quan trắc định kỳ) đối với các thông số quan trắc tự động.

Điều 20. Điều khoản khi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.